

**BỘ TƯ PHÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2299/BTP-BTTP  
V/v đóng góp ý kiến Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 02/2008/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng.

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2011

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK	
Số: <u>2518</u>	
<b>ĐẾN</b> Ngày <u>4.5.11</u>	
Chuyên: .....	Thực hiện Chương trình xây dựng pháp luật của Chính phủ năm 2011, Bộ Tư pháp đã phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 02/2008/NĐ-CP ngày 04/01/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng. Trước khi xây dựng Dự thảo Nghị định, Bộ Tư pháp đã tiến hành sơ kết thực hiện Luật công chứng và Nghị định số 02/2008/NĐ-CP, trong quá trình xây dựng Dự thảo Nghị định, Bộ Tư pháp đã tổ chức các cuộc tọa đàm đóng góp ý kiến vào Dự thảo.

Kính gửi: - Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;  
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Chương trình xây dựng pháp luật của Chính phủ năm 2011, Bộ Tư pháp đã phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 02/2008/NĐ-CP ngày 04/01/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng. Trước khi xây dựng Dự thảo Nghị định, Bộ Tư pháp đã tiến hành sơ kết thực hiện Luật công chứng và Nghị định số 02/2008/NĐ-CP, trong quá trình xây dựng Dự thảo Nghị định, Bộ Tư pháp đã tổ chức các cuộc tọa đàm đóng góp ý kiến vào Dự thảo.

Để tiếp tục hoàn thiện dự thảo Nghị định trình Chính phủ ban hành, Bộ Tư pháp đề nghị các cơ quan, tổ chức nghiên cứu, đóng góp ý kiến về Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 02/2008/NĐ-CP ngày 04/01/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng (*xin gửi kèm theo Dự thảo Nghị định và Tờ trình*).

Ý kiến đóng góp bằng văn bản xin gửi về Bộ Tư pháp (Vụ Bổ trợ tư pháp) số 58-60 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội trước ngày 15/5/2011 để Bộ Tư pháp tổng hợp, chỉnh lý Dự thảo, báo cáo Chính phủ xem xét, ban hành.

Xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp của các cơ quan, tổ chức. *mf*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để Báo cáo);
- Lưu: VT; Vụ BTTP.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



*Nguyễn Đức Chính*  
**Nguyễn Đức Chính**



**CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2011/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2011

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành  
một số điều của Luật công chứng**

**CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật công chứng ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

**NGHỊ ĐỊNH:**

**CHƯƠNG I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng về công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng, hoạt động công chứng và quản lý nhà nước về công chứng.

**CHƯƠNG II**

**CÔNG CHỨNG VIÊN**

**Điều 2. Thủ tục bổ nhiệm công chứng viên để hành nghề công chứng đối với cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ hưu hoặc thôi việc theo nguyện vọng**

1. Cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ hưu hoặc thôi việc theo nguyện vọng đủ tiêu chuẩn bổ nhiệm công chứng viên theo quy định tại Điều 13 của Luật công chứng thì trong hồ sơ đề nghị bổ nhiệm công chứng viên phải kèm theo giấy tờ chứng minh là đã nghỉ hưu hoặc thôi việc.

2. Công chứng viên của Phòng Công chứng thôi việc theo nguyện vọng hoặc đã nghỉ hưu thì vẫn được giữ chức danh công chứng viên và có quyền thành lập Văn phòng công chứng hoặc tham gia Văn phòng công chứng đang hoạt động.



Công chứng viên đã nghỉ hưu không quá một năm có quyền hành nghề công chứng theo quy định và không phải làm thủ tục bổ nhiệm công chứng viên. Thời gian không quá một năm đối với công chứng viên nghỉ hưu được tính từ ngày có quyết định nghỉ hưu đến ngày nộp hồ sơ đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng.

3. Trường hợp người đã là công chứng viên không thuộc quy định tại Khoản 2 Điều này mà có nguyện vọng đề nghị bổ nhiệm công chứng viên để hành nghề công chứng, thì trong hồ sơ đề nghị bổ nhiệm công chứng viên phải có bản sao Quyết định bổ nhiệm công chứng viên trước đây.

### **Điều 3. Điều kiện hành nghề công chứng đối với luật sư được bổ nhiệm công chứng viên**

1. Luật sư được bổ nhiệm công chứng viên để thành lập Văn phòng công chứng thì khi làm thủ tục đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng phải có xác nhận đã rút tên khỏi danh sách thành viên của Đoàn luật sư và chấm dứt hành nghề luật sư.

Luật sư được bổ nhiệm công chứng viên để hành nghề công chứng tại Văn phòng công chứng đang hoạt động thì khi làm thủ tục đăng ký hoạt động cũng phải có xác nhận đã rút tên khỏi danh sách thành viên của Đoàn luật sư và chấm dứt hành nghề luật sư.

2. Việc xác nhận luật sư đã rút tên khỏi danh sách thành viên của Đoàn luật sư thực hiện như sau:

a) Luật sư phải có đơn gửi Đoàn luật sư về việc xin rút tên khỏi danh sách thành viên của Đoàn luật sư và nộp lại Thẻ luật sư đã được cấp cho Đoàn luật sư và thông báo cho Sở Tư pháp;

b) Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư có văn bản xác nhận việc rút tên khỏi danh sách thành viên của Đoàn luật sư và thông báo cho Sở Tư pháp;

3. Việc chấm dứt hành nghề luật sư được thể hiện bằng một trong các giấy tờ sau đây:

a) Đối với luật sư hành nghề với tư cách cá nhân thì phải có giấy xác nhận đã nộp lại giấy đăng ký hành nghề luật sư cho cơ quan có thẩm quyền đã cấp;

b) Đối với luật sư thành lập Văn phòng luật sư hoặc Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên thì phải có giấy xác nhận đã nộp lại giấy đăng ký hoạt động Văn phòng luật sư hoặc Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên cho cơ quan có thẩm quyền đã cấp;

c) Đối với luật sư là thành viên Công ty luật hợp danh hoặc thành viên sáng lập Công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thì phải có giấy



xác nhận đã rút tên khỏi danh sách thành viên Công ty luật hợp danh hoặc Công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

d) Đối với luật sư là thành viên góp vốn trong Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc Công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thì phải có giấy xác nhận đã chấm dứt tư cách thành viên trong Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc Công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

đ) Đối với luật sư làm việc theo hợp đồng cho tổ chức hành nghề luật sư phải có giấy xác nhận đã chấm dứt hợp đồng làm việc cho tổ chức hành nghề luật sư.

#### **Điều 4. Đào tạo nghề công chứng**

1. Cơ sở đào tạo nghề công chứng bao gồm Học viện Tư pháp thuộc Bộ Tư pháp và cơ sở đào tạo nghề công chứng do tổ chức xã hội nghề nghiệp công chứng toàn quốc thành lập, nếu có đủ tiêu chuẩn theo quy định.

2. Cơ sở đào tạo nghề công chứng phải có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có số lượng giáo viên tối thiểu 1 giáo viên/20 học viên;

Giáo viên đào tạo nghề công chứng là công chứng viên có ít nhất 5 năm hành nghề công chứng, chuyên gia trong các lĩnh vực pháp luật chuyên ngành; có uy tín nghề nghiệp, khả năng sư phạm, phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;

Giáo viên đào tạo nghề công chứng bao gồm giáo viên cơ hữu và giáo viên kiêm nhiệm;

b) Có đội ngũ cán bộ quản lý bao gồm Giám đốc, cán bộ phụ trách về tổ chức, đào tạo, hành chính, quản trị;

c) Có chương trình đào tạo nghề công chứng, giáo trình giảng dạy phù hợp với chương trình khung do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành;

d) Có trường sở ổn định, có đủ khả năng về tài chính và các điều kiện vật chất khác bảo đảm quy mô đào tạo tối thiểu 200 học viên/khoá.

3. Hồ sơ thành lập cơ sở đào tạo nghề công chứng gồm có:

a) Giấy đề nghị thành lập cơ sở đào tạo nghề công chứng;

b) Đề án thành lập cơ sở đào tạo nghề công chứng, trong đó nêu cụ thể về nguồn giáo viên, cán bộ quản lý, quy mô đào tạo, địa điểm trường sở, nguồn tài chính;

c) Sơ yếu lý lịch của Giám đốc cơ sở đào tạo nghề công chứng;



d) Danh sách kèm theo sơ yếu lý lịch của các giáo viên; đối với giáo viên kiêm nhiệm thì phải có cam kết bằng văn bản về việc tham gia giảng dạy cho cơ sở đào tạo nghề công chứng đó;

đ) Chương trình đào tạo nghề công chứng và giáo trình dự kiến áp dụng;

e) Văn bản xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà hoặc văn bản thoả thuận của cơ quan có thẩm quyền về quyền sử dụng đất lâu dài để xây dựng trường hoặc hợp đồng thuê nhà, đất (tối thiểu là 5 năm);

g) Văn bản của cơ quan tài chính có thẩm quyền xác nhận khả năng tài chính của tổ chức đề nghị thành lập cơ sở đào tạo nghề công chứng.

4. Hồ sơ thành lập cơ sở đào tạo nghề công chứng được gửi đến Bộ Tư pháp. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét cấp Giấy phép thành lập cơ sở đào tạo nghề công chứng; trong trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Cơ sở đào tạo nghề công chứng do tổ chức xã hội nghề nghiệp công chứng toàn quốc thành lập có tư cách pháp nhân; hoạt động theo quy định của pháp luật áp dụng đối với cơ sở ngoài công lập trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn cụ thể thủ tục thành lập, trình tự tiếp nhận hồ sơ thành lập cơ sở đào tạo nghề công chứng.

#### **Điều 5. Bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng**

1. Người được miễn đào tạo nghề công chứng, miễn tập sự hành nghề công chứng đã được Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm công chứng viên phải qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng trước khi thành lập Văn phòng công chứng hoặc trước khi ký hợp đồng làm việc theo chế độ hợp đồng với một Văn phòng công chứng. Thời gian bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng là 1 (một) tháng.

Người đã qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng được cấp Giấy chứng nhận đã qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng.

2. Công chứng viên đang hành nghề công chứng phải tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng hàng năm. Thời gian bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng là 1 (một) tuần.

Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chứng viên đang hành nghề công chứng tại địa phương mình.

3. Bộ Tư pháp quy định cụ thể về việc bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng đối với công chứng viên theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này và xây dựng chương trình, tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng và cấp Giấy chứng



nhận đã qua Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng theo quy định tại khoản 1 Điều này.

#### **Điều 6. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên**

1. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên được thành lập để đại diện quyền, lợi ích hợp pháp của công chứng viên, giám sát việc tuân theo pháp luật và thực hiện quy tắc đạo đức hành nghề công chứng tạo điều kiện để các công chứng viên trao đổi, học tập kinh nghiệm nghề nghiệp và phát huy tính tự quản của tổ chức xã hội nghề nghiệp công chứng, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến hoạt động công chứng.

2. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên thành lập ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là Hiệp hội công chứng tỉnh hoặc thành phố trực thuộc Trung ương. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên thành lập ở Trung ương là Hiệp hội công chứng toàn quốc.

3. Việc thành lập và hoạt động của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên được thực hiện theo quy định của pháp luật về hội.

### **CHƯƠNG III TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG CHỨNG**

#### **Điều 7. Thành lập tổ chức hành nghề công chứng**

1. Việc thành lập tổ chức hành nghề công chứng phải tuân theo quy hoạch tổng thể phát triển tổ chức hành nghề công chứng của Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo tổ chức thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển tổ chức hành nghề công chứng của Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và ban hành tiêu chí lựa chọn hồ sơ cho phép thành lập Văn phòng công chứng.

#### **Điều 8. Thủ tục đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng**

Thủ tục đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 27 của luật công chứng. Khi đăng ký hoạt động phải xuất trình giấy tờ chứng minh công chứng viên cư trú tại địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi dự kiến đặt trụ sở Văn phòng công chứng; giấy tờ chứng minh đã qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng (đối với trường hợp công chứng viên được miễn đào tạo nghề công chứng, miễn tập sự hành nghề công chứng).

#### **Điều 9. Thủ tục chuyển đổi loại hình Văn phòng công chứng**



1. Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền chuyển đổi sang Văn phòng công chứng do hai công chứng viên trở lên thành lập hoặc ngược lại.

2. Hồ sơ đề nghị chuyển đổi là một (01) bộ nộp trực tiếp tại Sở Tư pháp hoặc qua đường bưu điện, gồm có:

a) Đề án chuyển đổi loại hình Văn phòng công chứng trong đó nêu rõ lý do chuyển đổi, thời gian dự kiến chuyển đổi, báo cáo tình hình tài chính và tổ chức hoạt động tính đến ngày đề nghị chuyển đổi; dự kiến về tổ chức, tên gọi, địa điểm đặt trụ sở, nhân sự, các điều kiện vật chất;

b) Văn bản đồng ý của thành viên hợp danh về việc chuyển đổi Văn phòng công chứng đối với Văn phòng công chứng do hai công chứng viên trở lên thành lập;

c) Bản sao quyết định bổ nhiệm công chứng viên của công chứng viên hợp danh đối với trường hợp chuyển đổi Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập sang Văn phòng công chứng do hai công chứng viên trở lên thành lập.

d) Quyết định thành lập Văn phòng công chứng trước đây do Sở Tư pháp thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định cho phép thành lập.

3. Trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chuyển đổi, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển đổi loại hình Văn phòng công chứng. Trong trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người bị từ chối có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật.

4. Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận được quyết định cho phép chuyển đổi, Văn phòng công chứng phải đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp của địa phương cho phép chuyển đổi. Khi đăng ký hoạt động phải có đơn đăng ký hoạt động, giấy tờ chứng minh về trụ sở ở địa phương nơi quyết định cho phép chuyển đổi (trong trường hợp thay đổi trụ sở).

Trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày nhận được các giấy tờ đăng ký hoạt động, Sở Tư pháp cấp giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng chuyển đổi; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người bị từ chối có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật.

5. Văn phòng công chứng chuyển đổi loại hình được hoạt động kể từ ngày được Sở Tư pháp cấp giấy đăng ký hoạt động, được kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và có trách nhiệm lưu trữ toàn bộ hồ sơ, tài liệu công chứng của Văn phòng công chứng trước đó. Trong thời gian làm thủ tục chuyển đổi và đăng ký hoạt động, Văn phòng công chứng vẫn tiếp tục được hoạt động.



**Điều 10. Thủ tục bổ sung công chứng viên là thành viên hợp danh mới cho Văn phòng công chứng do hai công chứng viên trở lên thành lập**

1. Việc bổ sung công chứng viên làm thành viên hợp danh cho Văn phòng công chứng do hai công chứng viên trở lên thành lập phải được các thành viên hợp danh chấp thuận.

Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày các thành viên hợp danh chấp thuận về việc bổ sung công chứng viên là thành viên hợp danh mới, Văn phòng công chứng phải gửi một bộ hồ sơ về việc bổ sung công chứng viên là thành viên hợp danh mới đến Sở Tư pháp nơi đăng ký hoạt động.

Hồ sơ gồm có:

a) Thông báo bằng văn bản của Văn phòng công chứng về việc bổ sung công chứng viên là thành viên hợp danh mới;

b) Bản chính Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng;

c) Bản sao Quyết định bổ nhiệm công chứng viên của công chứng viên được bổ sung là thành viên hợp danh mới;

d) Giấy tờ chứng minh đã rút tên khỏi danh sách thành viên của Đoàn luật sư và chấm dứt hành nghề luật sư của người được bổ nhiệm công chứng viên là luật sư hoặc giấy tờ chứng minh là đã nộp lại cho cơ quan có thẩm quyền chứng chỉ hành nghề hoặc thế đối với những người đã được cấp các loại thẻ, chứng chỉ hành nghề;

đ) Biên bản họp các thành viên hợp danh về việc chấp thuận bổ sung công chứng viên là thành viên hợp danh mới.

Trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp nơi đăng ký hoạt động thực hiện thay đổi nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng về việc bổ sung danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Công chứng viên được bổ sung là thành viên hợp danh mới cho Văn phòng công chứng được ký văn bản công chứng sau khi Sở Tư pháp thực hiện việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng và có các quyền và nghĩa vụ của công chứng viên theo quy định của pháp luật.

**Điều 11. Thủ tục công chứng viên là thành viên hợp danh có nguyện vọng rút tên hợp danh Văn phòng công chứng do hai công chứng viên trở lên thành lập**



1. Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày các thành viên hợp danh chấp thuận về việc công chứng viên là thành viên hợp danh rút tên hợp danh Văn phòng công chứng, Văn phòng công chứng phải gửi một bộ hồ sơ về việc thay đổi danh sách thành viên hợp danh đến Sở Tư pháp nơi đăng ký hoạt động.

Hồ sơ gồm có:

a) Thông báo bằng văn bản của Văn phòng công chứng về việc thay đổi danh sách thành viên hợp danh kèm theo đơn đề nghị rút tên hợp danh Văn phòng công chứng của công chứng viên;

b) Bản chính Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng;

c) Biên bản họp các thành viên hợp danh về việc chấp thuận cho công chứng viên là thành viên hợp danh rút tên hợp danh Văn phòng công chứng;

Trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp nơi đăng ký hoạt động thực hiện thay đổi nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng về việc thay đổi danh sách thành viên hợp danh.

2. Công chứng viên không được ký văn bản công chứng kể từ ngày được các thành viên hợp danh chấp thuận cho công chứng viên là thành viên hợp danh rút tên hợp danh Văn phòng công chứng và người đó vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm đối các nghĩa vụ của Văn phòng công chứng và những việc mà mình đã thực hiện công chứng tại Văn phòng công chứng đã phát sinh trước ngày chấm dứt tư cách thành viên.

## **Điều 12. Công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng cho Văn phòng công chứng**

1. Văn phòng công chứng đang hoạt động được ký hợp đồng với công chứng viên để bổ sung công chứng viên cho Văn phòng mình không với tư cách là thành viên hợp danh. Khuyến khích loại hình Văn phòng công chứng có từ hai công chứng viên trở lên. Trong thời gian hành nghề công chứng tại một Văn phòng công chứng, công chứng viên không được ký hợp đồng làm việc cho một Văn phòng công chứng khác.

2. Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày ký hợp đồng làm việc với công chứng viên, Văn phòng công chứng phải gửi một bộ hồ sơ về việc bổ sung công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng đến Sở Tư pháp nơi đăng ký hoạt động.

Hồ sơ gồm có:

a) Thông báo bằng văn bản của Văn phòng công chứng về việc tiếp nhận công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng;

b) Bản chính Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng;



c) Bản sao hợp đồng làm việc ký kết giữa Văn phòng công chứng với công chứng viên;

d) Bản sao Quyết định bổ nhiệm công chứng viên của công chứng viên tiếp nhận vào làm việc tại Văn phòng công chứng;

đ) Giấy tờ chứng minh đã rút tên khỏi danh sách thành viên của Đoàn luật sư và chấm dứt hành nghề luật sư của người được bổ nhiệm công chứng viên là luật sư hoặc giấy tờ chứng minh là đã nộp lại cho cơ quan có thẩm quyền chứng chỉ hành nghề hoặc thẻ đối với những người đã được cấp các loại thẻ, chứng chỉ hành nghề;

e) Giấy đăng ký chữ ký mẫu của công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng theo Mẫu quy định;

g) Biên bản họp các thành viên về việc nhất trí tiếp nhận công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng đối với Văn phòng công chứng do hai công chứng viên trở lên thành lập.

Trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp nơi đăng ký hoạt động thực hiện thay đổi nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng và thông báo cho Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng cho Văn phòng công chứng có các quyền, nghĩa vụ của công chứng viên theo quy định của pháp luật và chỉ được ký văn bản công chứng sau khi Sở Tư pháp thực hiện việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng.

4. Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày chấm dứt hợp đồng làm việc với công chứng viên, Văn phòng công chứng phải gửi một bộ hồ sơ về việc thay đổi danh sách công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng đến Sở Tư pháp nơi đăng ký hoạt động.

Hồ sơ gồm có:

a) Thông báo bằng văn bản của Văn phòng công chứng về việc thay đổi danh sách công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng kèm theo bản sao biên bản thanh lý hợp đồng làm việc giữa Văn phòng công chứng với công chứng viên;

b) Bản chính Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng;

c) Biên bản họp các thành viên về việc chấm dứt hợp đồng làm việc giữa Văn phòng công chứng với công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng đối với Văn phòng công chứng do hai công chứng viên trở lên thành lập.



Trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp nơi đăng ký hoạt động thực hiện thay đổi nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng.

Công chứng viên không được ký văn bản công chứng kể từ ngày chấm dứt hợp đồng làm việc với Văn phòng công chứng.

### **Điều 13. Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng công chứng**

1. Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng công chứng được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Công chứng.

Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định chấm dứt hoạt động của Văn phòng công chứng.

2. Trong trường hợp Văn phòng công chứng không còn công chứng viên do công chứng viên chết hoặc mất tích, thì Văn phòng công chứng chấm dứt hoạt động.

3. Trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày công chứng viên chết hoặc Tòa án tuyên bố mất tích (đối với trường hợp công chứng viên mất tích), Sở Tư pháp thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng. Sở Tư pháp phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế, cơ quan thống kê, cơ quan Công an cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi Văn phòng công chứng đặt trụ sở về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng.

4. Trong trường hợp Văn phòng công chứng chấm dứt hoạt động thì Sở Tư pháp chỉ định một Phòng công chứng hoặc một Văn phòng công chứng khác tiếp nhận hồ sơ công chứng.

5. Việc giải quyết quyền, nghĩa vụ về tài sản trong trường hợp công chứng viên của Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập chết hoặc mất tích được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và các quy định pháp luật khác có liên quan.

### **Điều 14. Phí, lệ phí trong hoạt động công chứng**

1. Mức thu phí công chứng được áp dụng thống nhất đối với Phòng công chứng và Văn phòng công chứng trong phạm vi toàn quốc. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp quy định mức thu, chế độ quản lý, sử dụng phí công chứng.

2. Bộ Tài chính quy định phí bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng, lệ phí thẩm định hồ sơ đề nghị bổ nhiệm công chứng viên, lệ phí cấp Thẻ công chứng viên, lệ phí cấp giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng theo quy định của pháp luật phí và lệ phí.



### **Điều 15. Con dấu của Phòng công chứng và Văn phòng công chứng**

1. Phòng công chứng và Văn phòng công chứng sử dụng con dấu không có hình quốc huy.

Bộ Công an quy định mẫu dấu của Phòng công chứng và Văn phòng công chứng.

2. Thủ tục, hồ sơ xin khắc dấu, việc quản lý, sử dụng con dấu của Phòng công chứng và Văn phòng công chứng được thực hiện theo quy định của pháp luật về con dấu.

3. Phòng công chứng được khắc và sử dụng con dấu sau khi có quyết định thành lập.

4. Văn phòng công chứng được khắc và sử dụng con dấu sau khi được cấp Giấy đăng ký hoạt động.

### **Điều 16. Trụ sở Văn phòng công chứng**

1. Văn phòng công chứng phải có trụ sở riêng ở vị trí thuận tiện với địa chỉ cụ thể có phòng làm việc cho công chứng viên, nhân viên, phòng tiếp người yêu cầu công chứng và kho lưu trữ hồ sơ công chứng.

2. Trong trường hợp trụ sở là nhà thuê, mượn thì ngoài việc phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều này trong hồ sơ làm thủ tục đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng phải kèm theo bản sao Hợp đồng thuê, mượn nhà có thời gian tối thiểu là ba năm kể từ ngày làm thủ tục đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng.

3. Việc thay đổi trụ sở của Văn phòng công chứng phải phù hợp với quy hoạch phát triển tổ chức hành nghề công chứng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### **Điều 17. Xây dựng cơ sở dữ liệu và cung cấp thông tin về hợp đồng, giao dịch liên quan đến bất động sản đã được công chứng**

1. Các hợp đồng, giao dịch liên quan đến bất động sản đã được công chứng phải được xây dựng thành cơ sở dữ liệu tập trung thống nhất tại Sở Tư pháp để phục vụ cho việc cung cấp thông tin trong hoạt động công chứng.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu về hợp đồng, giao dịch liên quan đến bất động sản đã được công chứng và ban hành quy chế khai thác, sử dụng, cung cấp thông tin, dữ liệu về hợp đồng, giao dịch liên quan đến bất động sản đã được công chứng giữa các tổ chức hành nghề công chứng trong phạm vi địa phương mình và cung cấp thông tin trong trường hợp có yêu cầu của tổ chức hành nghề công chứng ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác.



2. Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường nơi chưa có Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất có trách nhiệm cung cấp thông tin về đất đai theo yêu cầu của tổ chức hành nghề công chứng phục vụ cho việc công chứng hợp đồng, giao dịch liên quan đến bất động sản.

Bộ Tư pháp chủ trì phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng ban hành Quy chế cung cấp thông tin về đất đai, nhà ở phục vụ cho việc công chứng hợp đồng, giao dịch liên quan đến bất động sản.

#### **Điều 18. Công chứng các giao dịch về ủy quyền**

1. Việc ủy quyền có thù lao, có nghĩa vụ bồi thường của bên được ủy quyền hoặc để chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng bất động sản phải được lập thành hợp đồng ủy quyền.

2. Việc ủy quyền không thuộc trường hợp quy định khoản 1 Điều này thì không nhất thiết phải lập thành hợp đồng ủy quyền mà có thể lập thành giấy ủy quyền.

Trong trường hợp bên ủy quyền và bên được ủy quyền không thể cùng đến một tổ chức hành nghề công chứng thì bên ủy quyền yêu cầu tổ chức hành nghề công chứng nơi cư trú của họ công chứng hợp đồng ủy quyền; bên được ủy quyền yêu cầu tổ chức hành nghề công chứng nơi họ cư trú công chứng tiếp vào bản gốc hợp đồng ủy quyền này, hoàn tất thủ tục công chứng hợp đồng ủy quyền.

### **CHƯƠNG IV QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG CHỨNG**

**Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc quản lý nhà nước về công chứng và hành nghề công chứng**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện quản lý nhà nước về công chứng và hành nghề công chứng tại địa phương theo quy định tại khoản 5 Điều 11 của Luật công chứng và tại Điều 19 Nghị định này.

2. Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện quản lý nhà nước về công chứng và hành nghề công chứng tại địa phương, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:



a) Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển tổ chức hành nghề công chứng của Việt Nam tại địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt;

b) Tiếp nhận, xem xét, kiểm tra hồ sơ đề nghị thành lập tổ chức hành nghề công chứng trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định cho phép thành lập theo quy hoạch đã được phê duyệt;

c) Tiếp nhận, xem xét, kiểm tra hồ sơ đề nghị chuyển đổi loại hình Văn phòng công chứng theo quy định tại Điều 9 Nghị định này trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định;

d) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng cơ sở dữ liệu hợp đồng, giao dịch liên quan đến bất động sản đã được công chứng và ban hành Quy chế khai thác, sử dụng cung cấp thông tin, dữ liệu về hợp đồng, giao dịch liên quan đến bất động sản đã được công chứng theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 Nghị định này;

đ) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định việc bàn giao hồ sơ hợp đồng, giao dịch đã chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện cho tổ chức hành nghề công chứng trong thực hiện chuyển giao việc chứng thực các hợp đồng, giao dịch mà Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã sang tổ chức hành nghề công chứng theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 26 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

e) Yêu cầu tổ chức hành nghề công chứng báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động theo quy định của pháp luật;

g) Hướng dẫn, giải đáp áp dụng thống nhất nghiệp vụ công chứng cho các tổ chức hành nghề công chứng trong phạm vi địa phương;

h) Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng cho công chứng viên đang hành nghề công chứng tại địa phương theo định kỳ hàng năm;

i) Thực hiện kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về tổ chức, hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng theo quy định của pháp luật;

k) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG V**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 20. Hiệu lực thi hành**



1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2011 và thay thế Nghị định số 02/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng.

2. Bãi bỏ các quy định về tổ chức và hoạt động công chứng tại Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực.

3. Thời điểm thực hiện quy định tại Điều 5 của Nghị định này là sau 90 (chín mươi) ngày làm việc kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

#### **Điều 21. Trách nhiệm thi hành**

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

2. Bộ trưởng Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, cổng thông tin điện tử, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, PC(5b). XH 305

**TM. CHÍNH PHỦ**  
**THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Tấn Dũng**



Số: /TTr - BTP

Hà Nội, ngày tháng năm 2011

**TỜ TRÌNH CHÍNH PHỦ**

**Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 02/2008/NĐ-CP ngày 04/01/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng**

Kính gửi : Thủ tướng Chính phủ

Ngày 12 tháng 12 năm 2006 Chủ tịch nước đã ký quyết định công bố Luật công chứng đã được Quốc hội khoá XI, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2006 và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2007. Để tiếp tục triển khai thi hành tốt Luật công chứng, đáp ứng các yêu cầu phát sinh trong thực tiễn triển khai Luật, thực hiện Chương trình công tác năm 2011 của Chính phủ, Bộ Tư pháp đã soạn thảo Nghị định thay thế Nghị định số 02/2008/NĐ-CP ngày 04/01/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng. Bộ Tư pháp xin trình Chính phủ Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 02/2008/NĐ-CP với những nội dung cụ thể như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH THAY THẾ NGHỊ ĐỊNH SỐ 02/2008/NĐ-CP**

Sau hơn ba năm thi hành Luật công chứng và Nghị định số 02/2008/NĐ-CP, những kết quả đạt được bước đầu là rất khích lệ, khẳng định chủ trương xã hội hóa hoạt động công chứng là hết sức đúng đắn, tạo điều kiện cho việc phát triển tổ chức và hoạt động công chứng của Việt Nam theo hướng chuyên nghiệp hóa và trở thành một dịch vụ công, tăng cường bảo đảm an toàn pháp lý cho các hợp đồng, giao dịch, phù hợp với chuẩn mực và thông lệ của hoạt động công chứng khu vực và thế giới, góp phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, thu hút đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai thực hiện Luật công chứng và Nghị định số 02/2008/NĐ-CP trong thời gian qua đã bộc lộ một số bất cập, khó khăn, vướng mắc, đó là những vấn đề chưa rõ và những vấn đề mới phát sinh về tổ chức, hoạt động chuyên môn công chứng chưa được hướng dẫn cụ thể và chưa được quy định cần phải sửa đổi, bổ sung, cụ thể như sau:

- Thứ nhất: xét về tổng thể, Nghị định số 02/2008/NĐ-CP không còn phù hợp với tình hình phát triển công tác công chứng trong thời điểm hiện nay; một số quy định về tổ chức và hoạt động công chứng trong Luật công chứng chưa được quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành đầy đủ, dẫn đến khó khăn, ách tắc trong tổ chức thi hành Luật như trình tự, thủ tục liên quan đến chuyển đổi loại hình hoạt động, chấm dứt hoạt động của Văn phòng công chứng; một số quy



định chưa phù hợp cần phải sửa đổi, bổ sung; quá trình triển khai thực hiện Luật công chứng đã bộc lộ những vấn đề phát sinh cần thiết quy định chi tiết trong Nghị định để tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động công chứng như vấn đề xây dựng cơ sở thông tin dữ liệu chung về các hợp đồng, giao dịch liên quan đến bất động sản đã được công chứng, các biện pháp cụ thể để tăng cường chất lượng đội ngũ công chứng viên.

- Thứ hai: một số quy định tại Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực qua kiểm nghiệm thực tế xét thấy vẫn còn phù hợp, cần kế thừa đưa vào trong dự thảo Nghị định bảo đảm tính chặt chẽ trong hoạt động công chứng. Mặt khác, tại Điều 67 của Luật công chứng không quy định Nghị định số 75 hết hiệu lực thi hành, do vậy, việc xác định các quy định của Nghị định số 75 có còn hiệu lực hay không cũng cần thiết phải được xử lý trong xây dựng Nghị định sửa đổi Nghị định số 02/2008/NĐ-CP.

Để tháo gỡ những bất cập, khó khăn, vướng mắc nêu trên, tạo cơ sở pháp lý chặt chẽ, đồng bộ cho hoạt động công chứng, thì việc xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 02/2008/NĐ-CP là cần thiết.

## **II. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ BỐ CỤC CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 02/2008/NĐ-CP tập trung hướng dẫn các nội dung về công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng, hoạt động công chứng và quản lý nhà nước về công chứng, một số vấn đề khác liên quan đến hoạt động công chứng.

### **2. Bố cục của dự thảo Nghị định**

Dự thảo Nghị định gồm 5 chương 21 điều, được cơ cấu như sau:

**Chương I:** Quy định chung;

**Chương II:** Công chứng viên: gồm có 5 điều quy định một số nội dung về bổ nhiệm và hành nghề của công chứng viên, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng và việc thành lập tổ chức xã hội nghề nghiệp công chứng viên;

**Chương III:** Tổ chức và hoạt động công chứng: gồm có 12 điều quy định về thành lập tổ chức hành nghề công chứng; thủ tục đăng ký hoạt động, chuyển đổi loại hình, chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng; phí, lệ phí trong hoạt động công chứng; xây dựng cơ sở dữ liệu và cung cấp thông tin về hợp đồng, giao dịch liên quan đến bất động sản đã được công chứng và một số nội dung khác về tổ chức hành nghề công chứng.

**Chương IV:** Quản lý nhà nước về công chứng: quy định về quản lý tổ chức và hoạt động công chứng;



## Chương V: Điều khoản thi hành.

### III. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

#### 1. Về công chứng viên

Dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các quy định của Luật công chứng liên quan đến thủ tục bổ nhiệm công chứng viên, đào tạo nghề công chứng, bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng, việc thành lập tổ chức xã hội nghề nghiệp công chứng trên tinh thần kế thừa, tiếp thu một số quy định còn phù hợp của Nghị định số 02/2008/NĐ-CP hiện hành đồng thời có sửa đổi, hướng dẫn bổ sung những vấn đề chưa rõ, chưa cụ thể, những điểm chưa phù hợp, cụ thể như sau:

Điểm c Khoản 2 Điều 11 của Luật công chứng quy định Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc thực hiện quản lý nhà nước về công chứng, trong đó có nhiệm vụ, quyền hạn về quản lý đào tạo nghề công chứng. Kế thừa quy định của Nghị định số 02/2008/NĐ-CP hiện hành, dự thảo Nghị định quy định cụ thể thêm một số nguyên tắc về đào tạo nghề công chứng như điều kiện, tiêu chuẩn của cơ sở đào tạo, hồ sơ đề nghị thành lập và cơ quan có thẩm quyền quyết định cho phép thành lập cơ sở đào tạo. Các thủ tục, trình tự và một số vấn đề chi tiết liên quan đến thành lập cơ sở đào tạo và giao cho Bộ Tư pháp hướng dẫn cụ thể (Điều 4).

Nhằm tăng cường chất lượng đội ngũ công chứng viên để bảo đảm thực hiện có hiệu quả chủ trương xã hội hóa công chứng, Dự thảo Nghị định quy định việc bồi dưỡng nghiệp vụ bắt buộc đối với người được miễn đào tạo nghề công chứng, miễn tập sự hành nghề công chứng. Theo đó, người được miễn đào tạo nghề công chứng, miễn tập sự hành nghề công chứng sau khi được Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm công chứng viên phải qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng trước khi thành lập Văn phòng công chứng hoặc trước khi ký hợp đồng làm việc theo chế độ hợp đồng với một Văn phòng công chứng. Người được miễn đào tạo nghề công chứng, miễn tập sự hành nghề công chứng theo quy định tại Điều 15 và Điều 17 của Luật công chứng rất đa dạng, có trường hợp sau khi nghỉ hưu một thời gian dài, mới đề nghị bổ nhiệm làm công chứng viên hoặc thời điểm đề nghị bổ nhiệm làm công chứng viên tuổi đã cao hoặc khoảng thời gian thôi giữ các chức danh tư pháp đến thời điểm đề nghị bổ nhiệm làm công chứng viên cách xa quá lâu, các kiến thức về nghiệp vụ đã bị mai một, trong khi đó việc hành nghề công chứng đòi hỏi phải phải cập nhật, nắm bắt thường xuyên các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công chứng và phải có chuyên môn nghiệp vụ sâu. Do vậy, tinh thần của quy định nêu trên sẽ bảo đảm tính đồng bộ chất lượng và tính chuyên nghiệp hóa trong đội ngũ công chứng viên.



## Chương V: Điều khoản thi hành.

### III. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

#### 1. Về công chứng viên

Dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các quy định của Luật công chứng liên quan đến thủ tục bổ nhiệm công chứng viên, đào tạo nghề công chứng, bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng, việc thành lập tổ chức xã hội nghề nghiệp công chứng trên tinh thần kế thừa, tiếp thu một số quy định còn phù hợp của Nghị định số 02/2008/NĐ-CP hiện hành đồng thời có sửa đổi, hướng dẫn bổ sung những vấn đề chưa rõ, chưa cụ thể, những điểm chưa phù hợp, cụ thể như sau:

Điểm c Khoản 2 Điều 11 của Luật công chứng quy định Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc thực hiện quản lý nhà nước về công chứng, trong đó có nhiệm vụ, quyền hạn về quản lý đào tạo nghề công chứng. Kế thừa quy định của Nghị định số 02/2008/NĐ-CP hiện hành, dự thảo Nghị định quy định cụ thể thêm một số nguyên tắc về đào tạo nghề công chứng như điều kiện, tiêu chuẩn của cơ sở đào tạo, hồ sơ đề nghị thành lập và cơ quan có thẩm quyền quyết định cho phép thành lập cơ sở đào tạo. Các thủ tục, trình tự và một số vấn đề chi tiết liên quan đến thành lập cơ sở đào tạo và giao cho Bộ Tư pháp hướng dẫn cụ thể (Điều 4).

Nhằm tăng cường chất lượng đội ngũ công chứng viên để bảo đảm thực hiện có hiệu quả chủ trương xã hội hóa công chứng, Dự thảo Nghị định quy định việc bồi dưỡng nghiệp vụ bắt buộc đối với người được miễn đào tạo nghề công chứng, miễn tập sự hành nghề công chứng. Theo đó, người được miễn đào tạo nghề công chứng, miễn tập sự hành nghề công chứng sau khi được Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm công chứng viên phải qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng trước khi thành lập Văn phòng công chứng hoặc trước khi ký hợp đồng làm việc theo chế độ hợp đồng với một Văn phòng công chứng. Người được miễn đào tạo nghề công chứng, miễn tập sự hành nghề công chứng theo quy định tại Điều 15 và Điều 17 của Luật công chứng rất đa dạng, có trường hợp sau khi nghỉ hưu một thời gian dài, mới đề nghị bổ nhiệm làm công chứng viên hoặc thời điểm đề nghị bổ nhiệm làm công chứng viên tuổi đã cao hoặc khoảng thời gian thôi giữ các chức danh tư pháp đến thời điểm đề nghị bổ nhiệm làm công chứng viên cách xa quá lâu, các kiến thức về nghiệp vụ đã bị mai một, trong khi đó việc hành nghề công chứng đòi hỏi phải phải cập nhật, nắm bắt thường xuyên các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công chứng và phải có chuyên môn nghiệp vụ sâu. Do vậy, tinh thần của quy định nêu trên sẽ bảo đảm tính đồng bộ chất lượng và tính chuyên nghiệp hóa trong đội ngũ công chứng viên.



Trong điều kiện xã hội hóa hoạt động công chứng, thì việc thành lập Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên là cần thiết góp phần giảm tải gánh nặng quản lý về tổ chức và hoạt động công chứng cho Nhà nước, tạo điều kiện để các công chứng viên trao đổi, học tập kinh nghiệm nghề nghiệp và phát huy tính tự quản của tổ chức xã hội nghề nghiệp công chứng, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến hoạt động công chứng. Dự thảo Nghị định quy định tên gọi Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên thành lập tại cấp tỉnh và ở Trung ương đồng thời quy định mang tính nguyên tắc việc thành lập và hoạt động của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên được thực hiện theo quy định của pháp luật về hội.

Ngoài ra Dự thảo Nghị định còn quy định về thủ tục bổ nhiệm công chứng viên để hành nghề công chứng đối với cán bộ, công chức đã nghỉ hưu hoặc thôi việc theo nguyện vọng (Điều 2); Điều kiện hành nghề công chứng đối với luật sư được bổ nhiệm công chứng viên (Điều 3).

## **2. Về tổ chức và hoạt động công chứng**

Luật công chứng quy định việc thành lập tổ chức hành nghề công chứng, thủ tục đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng và hình thức tổ chức hành nghề công chứng, tuy nhiên do tính chất của hoạt động công chứng là phải phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế-xã hội, tạo điều kiện cho việc quản lý nhà nước, hơn nữa, bên cạnh Phòng công chứng, Văn phòng công chứng là tổ chức hành nghề công chứng mới ra đời, để có cơ sở thực hiện thống nhất, dự thảo Nghị định quy định và hướng dẫn rõ hơn một số nội dung quan trọng như sau:

- Việc thành lập Văn phòng công chứng phải tuân theo quy hoạch tổng thể tổ chức hành nghề công chứng của Việt Nam đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt và giao cho Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo tổ chức thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển tổ chức hành nghề công chứng và ban hành tiêu chí lựa chọn hồ sơ cho phép thành lập Văn phòng công chứng (Điều 7 của dự thảo). Quy định này nhằm bảo đảm việc thành lập, phát triển mạng lưới tổ chức hành nghề công chứng hợp lý, phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội và nhu cầu công chứng trong từng giai đoạn của từng địa phương, vùng miền.

Phí, lệ phí trong hoạt động công chứng tại (Điều 14) của dự thảo Nghị định gồm hai nội dung:

*Thứ nhất:* phí công chứng được áp dụng thống nhất đối với Phòng công chứng và Văn phòng công chứng trong phạm vi toàn quốc. Quy định được tiếp tục tiếp thu từ quy định hiện hành của Nghị định số 02/2008/NĐ-CP.

*Thứ hai:* phí bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng, lệ phí thẩm định hồ sơ đề nghị bổ nhiệm công chứng viên, lệ phí cấp Thẻ công chứng viên, lệ phí cấp giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng. Phí và lệ phí này cần thiết được quy



định để giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước, tăng trách nhiệm cho cả cơ quan có thẩm quyền khi cung cấp dịch vụ và cá nhân, tổ chức được cung cấp dịch vụ.

- (Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 13) của dự thảo Nghị định quy định về thủ tục, cách thức thực hiện đối với việc chuyển đổi loại hình Văn phòng công chứng; bổ sung công chứng viên là thành viên hợp danh mới cho Văn phòng công chứng do hai công chứng viên trở lên thành lập; công chứng viên là thành viên hợp danh có nguyện vọng rút tên hợp danh Văn phòng công chứng do hai công chứng viên trở lên thành lập; thủ tục bổ sung công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng cho Văn phòng công chứng và chấm dứt hoạt động của Văn phòng công chứng v.v... Đây là những vấn đề đã phát sinh trong thực tiễn khi triển khai thực hiện Luật công chứng cần được quy định rõ để có cơ sở pháp lý thực hiện mà Nghị định số 02/2008/NĐ-CP chưa có hướng dẫn cụ thể.

- Các quy định về con dấu của Phòng công chứng và Văn phòng công chứng (Điều 15) và trụ sở Văn phòng công chứng (Điều 16) dự thảo Nghị định tiếp tục kế thừa quy định tại Nghị định 02 vì đây là những nội dung mà quá trình triển khai Luật công chứng không có gì vướng mắc.

- Việc xây dựng cơ sở dữ liệu và cung cấp thông tin về hợp đồng, giao dịch liên quan đến bất động sản đã được công chứng là vấn đề rất cần thiết trong hoạt động công chứng, không chỉ bảo đảm an toàn cho đội ngũ công chứng viên mà còn phòng chống rủi ro cho cá nhân, tổ chức khi có yêu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch bất động sản, do vậy dự thảo Nghị định (Điều 17) quy định về xây dựng cơ sở dữ liệu và cung cấp thông tin, dữ liệu công chứng hợp đồng, giao dịch được thực hiện qua hai kênh, đó là giữa các tổ chức hành nghề công chứng với nhau trong phạm vi cấp tỉnh hoặc giữa các tỉnh với nhau khi có nhu cầu cung cấp thông tin và giữa tổ chức hành nghề công chứng với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu và ban hành quy chế khai thác, sử dụng, cung cấp thông tin, dữ liệu về hợp đồng, giao dịch liên quan đến bất động sản; Bộ Tư pháp-Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng ban hành Quy chế cung cấp thông tin về đất đai, nhà ở phục vụ cho việc công chứng hợp đồng, giao dịch liên quan đến bất động sản.

Ngoài ra, Dự thảo Nghị định tiếp tục kế thừa Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực quy định về công chứng các giao dịch về ủy quyền (Điều 18) theo đó việc ủy quyền có thù lao, có nghĩa vụ bồi thường của bên được ủy quyền hoặc để chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng bất động sản phải được lập thành hợp đồng ủy quyền.

### **3. Quản lý nhà nước về công chứng**



Điều 19 của dự thảo Nghị định cụ thể hóa quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong quản lý nhà nước về công chứng trong Luật công chứng theo hướng phân cấp cho Sở Tư pháp giao nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể cho Sở Tư pháp là cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong đó có những nhiệm vụ hoàn toàn phù hợp với tình hình phát triển và hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo, tiếp tục hoàn chỉnh công tác chuyển giao thẩm quyền chứng thực hợp đồng, giao dịch từ Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện sang tổ chức hành nghề công chứng như: Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển tổ chức hành nghề công chứng của Việt Nam tại địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt; Tiếp nhận, xem xét, kiểm tra hồ sơ đề nghị thành lập tổ chức hành nghề công chứng trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định cho phép thành lập theo quy hoạch đã được phê duyệt; Tiếp nhận, xem xét, kiểm tra hồ sơ đề nghị chuyển đổi loại hình Văn phòng công chứng theo quy định tại Điều 9 Nghị định này trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định; Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng cơ sở dữ liệu hợp đồng, giao dịch liên quan đến bất động sản đã được công chứng và ban hành Quy chế khai thác, sử dụng cung cấp thông tin, dữ liệu về hợp đồng, giao dịch liên quan đến bất động sản đã được công chứng theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định này; Trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định việc bàn giao hồ sơ hợp đồng, giao dịch đã chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện cho tổ chức hành nghề công chứng trong thực hiện chuyển giao việc chứng thực các hợp đồng, giao dịch mà Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã sang tổ chức hành nghề công chứng theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 26 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất v.v... và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

#### IV. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

Trong quá trình dự thảo Nghị định các ý kiến đóng góp về cơ bản đều nhất trí về bố cục, nội dung của dự thảo, tuy nhiên một số vấn đề còn ý kiến khác nhau, Bộ Tư pháp xin trình Chính phủ xin ý kiến:

##### 1. Về chế độ bồi dưỡng bắt buộc đối với công chứng viên

Xuất phát từ tình hình thực tiễn và nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ công chứng viên, tạo điều kiện để cá nhân, tổ chức được hưởng dịch vụ công chứng một cách có chất lượng, bảo đảm an toàn pháp lý cho các hợp đồng, giao dịch, Dự thảo Nghị định quy định người được miễn đào tạo nghề công chứng, miễn tập sự hành nghề công chứng đã được bổ nhiệm công chứng viên phải qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng trước khi thành lập Văn phòng công



chứng. Với quy định này, chất lượng đội ngũ công chứng viên sẽ được nâng lên một bước, nhất là đối với những người được miễn đào tạo nghề công chứng, miễn tập sự hành nghề công chứng trước khi hoạt động hành nghề họ sẽ được bồi dưỡng, cập nhật về kiến thức, kỹ năng hành nghề để có điều kiện hành nghề công chứng một cách hiệu quả. Trong quá trình xây dựng Dự thảo Nghị định cũng có ý kiến cho rằng Luật công chứng hiện nay chưa quy định về vấn đề này, thì liệu Dự thảo Nghị định có được hướng dẫn hay không. Ban soạn thảo thấy rằng, vấn đề này tuy Luật công chứng không quy định, nhưng nội dung quy định này thuộc thẩm quyền của Chính phủ hướng dẫn, quy định chi tiết nhằm tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động công chứng trong điều kiện hoạt động công chứng được xã hội hóa mạnh mẽ hiện nay, do vậy, rất cần thiết quy định trong Dự thảo Nghị định.

## **2. Phí, lệ phí trong hoạt động công chứng**

Trong thực tế khi thực hiện việc bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng, cấp Thẻ công chứng viên, cấp giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải chi một khoản kinh phí trong ngân sách nhà nước để thực hiện các loại công việc nêu trên, trong khi hoạt động của các tổ chức hành nghề công chứng có nguồn thu, hơn nữa hoạt động công chứng đã được xã hội hóa, do vậy, dự thảo Nghị định (Khoản 2 Điều 14) quy định Bộ Tài chính quy định phí bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng, lệ phí thẩm định hồ sơ đề nghị bổ nhiệm công chứng viên, lệ phí cấp Thẻ công chứng viên, lệ phí cấp giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng theo quy định của pháp luật phí và lệ phí là phù hợp với tinh thần xã hội hóa trong hoạt động công chứng, phát huy khả năng của các tổ chức hành nghề công chứng mà không nhất thiết phải chi từ ngân sách nhà nước phục vụ cho quản lý nhà nước trong hoạt động công chứng.

Trên đây là những nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 02/2008/NĐ-CP ngày 04/01/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng, Bộ Tư pháp xin trình Chính phủ xem xét, quyết định.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phó Thủ tướng Trương Vĩnh Trọng (để b/c);
- Lưu: VT, Vụ BTTP.

**BỘ TRƯỞNG**

**Hà Hùng Cường**